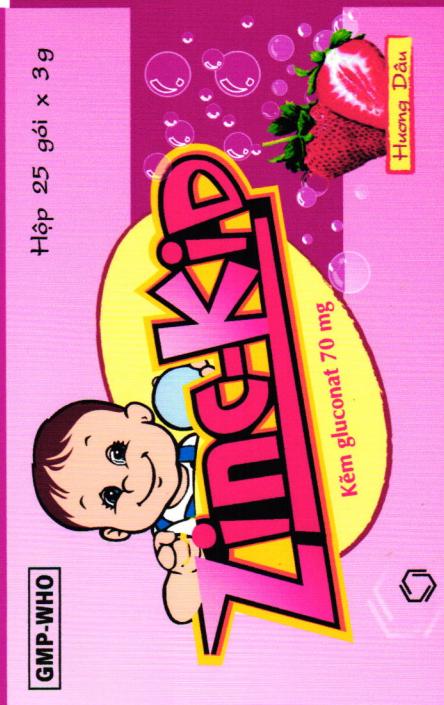
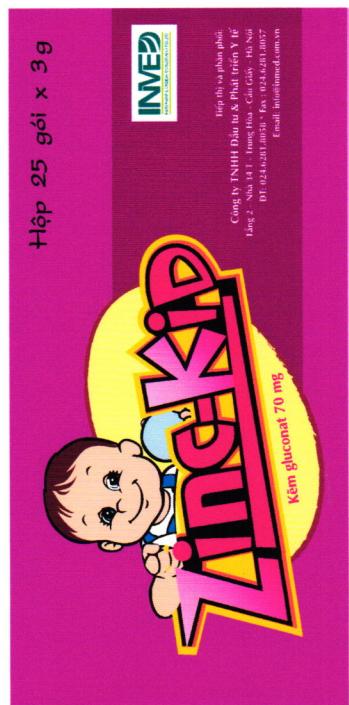
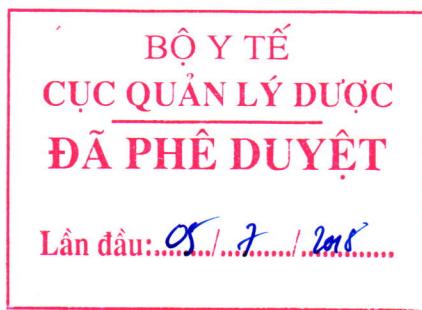


# MẪU NHÃN



|            |
|------------|
| Lot No :   |
| Mfg.date : |
| Exp.date : |

## ĐƠN HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO BỆNH NHÂN

Nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc cho bệnh nhân

GMP-WHO



**1. Tên thuốc: zinc - kid ( Kẽm gluconat 70 mg)**

**2. Các câu khuyến cáo:**

Để xa tầm tay trẻ em

**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**

**Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc**

**3. Thành phần, hàm lượng của thuốc:** Tinh chất 1 g

Kẽm gluconat.....70 mg

(Tương đương 10 mg Kẽm nguyên chất)

Tá dược (Đường trắng, Lactose, Methylparaben,

Propylparaben, Hương dầu) vừa đủ 1 gói 3 gam

**4. Mô tả sản phẩm:**

Thuốc có màu trắng, khô, 至, đóng nhát.

**5. Quy cách đóng gói:** Hộp 25 gói x 3 g.

**6. Thuốc dùng điều trị cho bệnh:**

\* Bổ sung kẽm vào chế độ ăn trong các trường hợp:

- Bệnh còi xương, chậm tăng trưởng ở trẻ em.

- Phụ nữ mang thai và bà mẹ đang cho con bú.

- Chế độ ăn thiếu cân bằng hoặc kiêng ăn.

- Nuôi ăn lâu dài qua đường tĩnh mạch.

- Tiêu chảy cấp và mạn tính.

\* Điều trị thiếu kẽm:

- Thiếu kẽm nhẹ và vừa trong các trường hợp:

+ Suy dinh dưỡng nhẹ và vừa.

+ Rối loạn đường tiêu hóa: Chán ăn, chậm tiêu, táo bón nhẹ, buồn nôn và nôn khi mang thai.

+ Khó ngủ, mất ngủ, trễ khóc đêm, suy nhược, nhức đầu.

+ Niêm trung tái diễn ở đường hô hấp, đường tiêu hóa, da.

+ Khô da, vết thương chậm lành (bóng, lở loét do nấm lây).

+ Khô mắt, loét giác mạc, quáng gà.

- Thiếu kẽm nặng: được đặc trưng bởi các tổn thương da điển hình trong bệnh viêm ruột, da đầu chi, dày sừng, hói, loạn

đường móng (móng nhán, có vết trắng, chậm mọc), khô mắt, viêm quanh lỗ tự nhiên (hậu môn, âm hộ cùng với tiều chảy).

**7. Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng:**

Liều bổ sung dinh dưỡng

- Trẻ em 6 - 12 tháng: 1/2 gói/ngày.

- Trẻ em 1 - 3 tuổi: 1 gói/ngày.

- Trẻ em 3 - 6 tuổi: ngày 2 gói, mỗi lần 1 gói

- Trẻ em > 6 tuổi: ngày 2 - 3 gói, mỗi lần 1 gói.

Liều điều trị:

- Theo hướng dẫn của Bác sĩ.

- Nên giảm khi triệu chứng lâm sàng đã được cải thiện.

- Việc dùng thuốc nên chia liều thành 1 - 2 lần/ngày, uống sau bữa ăn.

- Có thể hòa tan cồn ZINC-KID trong nước đun sôi để nguội, súc cho trẻ uống.

**8. Khi nào không nên dùng thuốc này:**

- Mẫn cảm với thành phần của thuốc.

- Trẻ em dưới 6 tháng tuổi.

**9. Tác dụng không mong muốn:**

Hiện khi xảy ra cảm giác khó chịu trong dạ dày, và thường kéo dài vài ngày đầu dùng thuốc, sau đó sẽ giảm dần.

**Thông báo cho bác sĩ, dược sỹ các tác dụng không mong muốn có thể gặp phải khi sử dụng thuốc**

**10. Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này:**

Nên tránh dùng đồng thời với sắt, đồng, fluroquinolon,

penicilamin, những chế phẩm có chứa phospho, tetracyclin,..

Sự hấp thu kẽm có thể giảm bởi sự bổ sung sắt, penicilamin,

những chế phẩm có chứa phospho, tetracyclin.

Sự bổ sung kẽm làm giảm hấp thu đồng, fluroquinolon, sắt, penicilamin, tetracyclin.

**11. Khi một lần quên không dùng thuốc:** Nên bỏ qua và dùng thuốc vào lần tiếp theo với liều giữ nguyên.

**12. Bảo quản thuốc:** Nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30°C.

**13. Dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều:**

Dùng liều quá cao (trên 15 g/ngày) có thể gây ức chế miễn dịch, thay đổi kích thích miễn dịch.

**14. Khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo:** Ngừng dùng thuốc  
Thông báo cho bác sĩ hoặc dược sỹ.

**15. Những điều cần thận trọng khi dùng thuốc này:**

**15.1.Thận trọng chung:**

- Chế phẩm có chứa đường trắng: Bệnh nhân không dung nạp fructose, glucose, galactose hoặc thiếu hụt sucrase - isomaltase không nên dùng thuốc này.

- Chế phẩm có chứa lactose: Bệnh nhân không dung nạp Galactose, thiếu hụt lactase hoặc hấp thu kém Glucose - Galactose không nên dùng thuốc này.

- Chế phẩm có chứa các paraben (Methylparaben, propylparaben) nên có thể gây phản ứng dị ứng (phản ứng có thể xảy ra chậm).

- Tránh dùng trong giai đoạn loét dạ dày tá tràng và nôn ói cấp tính.

- Nên uống cách xa các thuốc có chứa sắt, đồng, penicilamin, phospho, tetracyclin, fluroquinolon khoảng 2 - 3 giờ để ngăn ngừa tương tác thuốc có thể làm giảm sự hấp thu của thuốc.

**15.2.Trường hợp có thai và cho con bú:** Dùng được cho phụ nữ có thai và cho con bú.

**15.3.Ảnh hưởng của thuốc đối với người vận hành máy móc, đang lái tàu xe, người làm việc trên cao:** Không ảnh hưởng.

**16. Khi nào cần tham vấn bác sĩ, dược sỹ:** Khi thấy có hiện tượng bất thường cần ngừng sử dụng và thông báo cho bác sĩ hoặc dược sỹ biết để xử lý.

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sỹ

**17. Hạn dùng của thuốc:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**18. Tiêu chuẩn:** TCSS/14 - 16 - 031 - Z3.

**19. Nhà sản xuất:**



Nhà sản xuất:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**  
Trụ sở: 16 Lê Đại Hành - Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng  
Nhà máy: Số 28 - Đường 351 - Nam Sơn - An Dương - Hải Phòng

**20. Nhà phân phối:**



Tiếp thị và phân phối:  
**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN Y TẾ INMED**  
Tầng 2 - Nhà 34 T - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội  
ĐT: 024.6281.8058 \* Fax: 024.6281.8057  
Email: info@inmed.com.vn

**21. Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc:**

05725  
ÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DƯỢC PHẨM  
NGƯỜI  
CỐ PHARM  
NG T.P.HCM



<https://nhathuocngocanh.com/>

## ĐƠN HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO CÁN BỘ Y TẾ:



GMP-WHO

TUQ.CỤC TRƯỞNG  
P.TRƯỞNG PHÒNG  
*Nguyễn Ngọc Anh*

### Nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc cho cán bộ y tế:



#### 1. Tên thuốc: zinc - kid (Kẽm gluconat 70 mg)

#### 2. Thành phần cấu tạo của thuốc: Tinh chất 1 gói 3g

Kẽm gluconat..... 70 mg  
(Tương đương 10 mg Kẽm nguyên chất)

Tá dược (Đường trắng, Lactose, Methylparaben, Propylparaben, Hương dâu) vừa đủ 1 gói 3 gam.

#### 3. Dạng bào chế: Thuốc cồn

#### 4. Đặc tính dược lực học, dược động học:

##### 4.1. Dược lực học:

Nhóm dược lý: Chất điện giải.

Phân loại ATC: A12CB02.

Kẽm là một thành phần không thể thiếu của metalloenzym trong cơ thể. Kẽm cần trong quá trình tổng hợp protein, ADR, ARN và đóng vai trò cấu trúc của ribosom và màng tế bào. Kẽm tham gia vào quá trình vận chuyển oxy và chống lại các gốc tự do. Kẽm giúp mau lành vết thương, giúp duy trì tốc độ tăng trưởng bình thường, hydrat hóa lân da, tăng cường vi giác và khứu giác. Kẽm tác động như 1 phân không thể thiếu trong những enzym quan trọng trong chuyển hóa protein và carbohydrate.

Kẽm đóng vai trò cơ bản trong chuyển hóa tế bào và tăng cường sức đề kháng của chủ thể với những bệnh nhiễm trùng. Trong bệnh Wilson, ion kẽm ức chế hấp thu đồng trong chế độ ăn bằng cách giảm tổng hợp metallothionein, một protein gắn kim loại trong niêm mạc ruột. Protein này gắn với kim loại, kể cả đồng, tạo thành hợp chất không độc không được hấp thu nhưng được thải trừ qua phân.

Bổ sung kẽm cải thiện khả năng miễn dịch, sự phát triển của hệ sinh dục và sự hoạt động bình thường của tiền liệt tuyến. Thiếu kẽm cũng ảnh hưởng trực tiếp đến đường tiêu hóa như bờ bàn chải ruột bị suy yếu, nhiễu loạn tính thẩm của ruột. Bổ sung kẽm cải thiện việc vận chuyển nước và chất điện giải qua niêm mạc ruột.

##### 4.2. Dược động học:

Sự hấp thu kẽm phụ thuộc pH, hấp thu kẽm qua đường tiêu hóa (20-30%), chuyển thành kẽm chlorid hòa tan dưới tác dụng của acid dạ dày. Kẽm được dự trữ ở gan và cơ xương, nồng độ trong huyết tương không phản ánh đầy đủ tình trạng kẽm trong cơ thể. 55% kẽm gắn với albumin, 40% gắn với alpha-macroglobulin. 90% kẽm được thải trừ qua phân, lượng nhỏ trong nước tiểu và mồ hôi.

##### 5. Quy cách đóng gói: Hộp 25 gói x 3 g.

##### 6. Chỉ định:

\* Bổ sung kẽm vào chế độ ăn trong các trường hợp:  
- Bệnh co giật, chậm tăng trưởng ở trẻ em.

- Phụ nữ mang thai và bà mẹ đang cho con bú.

- Chế độ ăn thiếu cân bằng hoặc kiêng ăn.

- Nuôi ăn lâu dài qua đường tĩnh mạch.

- Tiêu chảy cấp và mạn tính.

##### \* Điều trị thiếu kẽm:

- Thiếu kẽm nhẹ và vừa trong các trường hợp:

+ Suy dinh dưỡng nhẹ và vừa.

+ Rối loạn đường tiêu hóa: Chán ăn, chậm tiêu, táo bón nhẹ, buồn nôn và nôn khi mang thai.

+ Khó ngủ, mất ngủ, trẻ khóc đêm, suy nhược, nhức đầu.

+ Nhiễm trùng tái diễn ở đường hô hấp, đường tiêu hóa, da.

+ Khô da, vết thương chậm lành (bóng, lở loét do nấm lùi).

+ Khô mắt, loét giác mạc, quáng gà.

- Thiếu kẽm nặng: được đặc trưng bởi các tổn thương da điển hình trong bệnh viêm ruột, da đầu chi, dày sừng, hói, loạn dưỡng móng (móng nhăn, có vệt trắng, chậm mọc), khô mắt, viêm quanh lỗ tự nhiên (hậu môn, âm hộ) cùng với tiêu chảy.

##### 7. Liều lượng, cách dùng:

Liều bổ sung dinh dưỡng:

- Trẻ em 6 - 12 tháng: 1/2 gói/ngày.

- Trẻ em 1 - 3 tuổi: 1 gói/ngày.

- Trẻ em 3 - 6 tuổi: ngày 2 gói, mỗi lần 1 gói.

- Trẻ em > 6 tuổi: ngày 2 - 3 gói, mỗi lần 1 gói.

Liều điều trị:

- Theo hướng dẫn của Bác sĩ.

- Nên giảm khi triệu chứng lâm sàng đã được cải thiện.

- Việc dùng thuốc nên chia liều thành 1 - 2 lần/ngày, uống sau bữa ăn.

- Có thể hòa tan cồn ZINC-KID trong nước đun sôi để nguội, sữa cho trẻ uống.

##### 8. Chống chỉ định:

- Mẫn cảm với thành phần của thuốc

- Trẻ em dưới 6 tháng tuổi.

##### 9. Thận trọng:

###### 9.1. Thận trọng chung:

- Chế phẩm có chứa đường trắng: Bệnh nhân không dung nạp fructose, glucose, galactose hoặc thiếu hụt sucrose - isomaltase không nên dùng thuốc này.

- Chế phẩm có chứa lactose: Bệnh nhân không dung nạp Galactose, thiếu hụt lactase hoặc hấp thu kém Glucose - Galactose không nên dùng thuốc này.

- Chế phẩm có chứa các paraben (Methylparaben, propylparaben) nên có thể gây phản ứng dị ứng (phản ứng có thể xảy ra chậm).

- Tránh dùng trong giai đoạn loét da dày tá tràng và nôn ói cấp tính.

- Nên uống cách xa các thuốc có chứa sắt, đồng, penicilamin, phospho, tetracyclin, fluoroquinolon khoảng 2 - 3 giờ để ngăn ngừa tương tác thuốc có thể làm giảm sự hấp thu của thuốc.

9.2. Trường hợp có thai và cho con bú: Dùng được cho phụ nữ có thai và cho con bú.

9.3. Ảnh hưởng của thuốc đối với người vận hành máy móc, lái tàu xe, người làm việc trên cao: Không ảnh hưởng.

##### 10. Tương tác thuốc:

Sự hấp thu kẽm có thể giảm bởi sự bổ sung sắt, penicilamin, những chế phẩm có chứa phospho, tetracyclin.

Sự bổ sung kẽm làm giảm hấp thu đồng, fluoroquinolon, sắt, penicilamin, tetracyclin.

##### 11. Tác dụng không mong muốn:

Hiếm khi xảy ra cảm giác khó chịu trong dạ dày, và thường kéo dài vài ngày đầu dùng thuốc, sau đó sẽ giảm dần.

##### 12. Quá liều và cách xử trí:

Quá liều: Dùng liều quá cao (trên 15 gói/ngày) có thể gây úng chèm miến dịch, thay vì kích thích miến dịch.

Cách xử trí: Ngừng dùng thuốc.

##### 13. Bảo quản: Nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30°C.

##### 14. Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

##### 15. Tiêu chuẩn: TCCS/14-16-031-Z3.

##### 16. Nhà sản xuất:

Nhà sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Trụ sở: 16 Lê Đại Hành - Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng

Nhà máy: Số 28 - Đường 351 - Nam Sơn - An Dương - Hải Phòng

##### 17. Tiếp thị và phân phối:



Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển Y tế  
Tầng 2 - Nhà 34 T - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội  
ĐT: 024.6281.8058 \* Fax: 024.6281.8057  
Email: info@inmed.com.vn

##### 18. Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc:

